

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 6 - 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh

2. Bà Trần Thị Quế Anh.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại Nhà văn hóa đa năng xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022.

**1. Nguyên đơn:** Chị Vàng Thị D, năm sinh 1985

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Giàng Seo D, năm sinh 1985

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai -Vắng mặt.

**3. Người phiên dịch:** Anh Giàng Seo P, năm sinh 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai

- Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vàng Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị D và anh Giàng Seo D về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, việc chung sống của anh chị là tự nguyện. Anh chị chung sống hạnh phúc được 19 năm, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, anh D hay đi chơi và có quan hệ bên ngoài, chị tham gia thì vợ chồng xảy ra đánh cãi chửi nhau, anh D còn đuổi chị ra khỏi nhà. Từ tháng 3 năm 2020 anh chị đã sống

ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, cuộc sống của anh chị không hạnh phúc, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Giàng Seo D.

- Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị D và anh D có ba con chung: Cháu Giàng Seo Th, sinh ngày 20/10/2005; cháu Giàng Seo Tr, sinh ngày 01/01/2007; cháu Giàng Seo T, sinh ngày 07/5/2009, hiện các cháu đang ở cùng anh D, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, giải quyết cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, cháu Tr cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu anh D muốn nuôi dưỡng cả ba cháu, đề ổn định sinh hoạt và học tập của các cháu thì chị cũng đồng ý để anh D nuôi dưỡng cả ba cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Hiện nay chị và anh D đều làm ruộng, trồng trọt và chăn nuôi tại địa phương, thu nhập một tháng của chị D khoảng 2.000.000 đồng/ 01 tháng, thu nhập của anh D khoảng 5.000.000 đồng/ 01 tháng; về chỗ ở, anh chị đều có nhà riêng, chị và anh D đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, nhưng điều kiện nuôi dưỡng con của anh D tốt hơn chị vì gia đình anh có nhiều ruộng đất, thu nhập của anh D cao hơn chị.

- Những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân; Xác nhận thông tin về cư trú; Trích lục khai sinh cháu Th, cháu Tr, cháu T; Đơn xác nhận thu nhập chị D, anh D.

2. Đề nghị của bị đơn: Anh Giàng Seo D nhất trí với chị Vàng Thị D trình bày về thời gian và quá trình chung sống giữa anh và chị D. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau, không có tiếng nói chung, hiện anh và chị D đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị D làm đơn xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn chị Vàng Thị D.

- Về nuôi con khi ly hôn: Anh Giàng Seo D nhất trí với chị Vàng Thị D trình bày về con chung, hiện ba con của anh chị đang ở cùng anh; để ổn định sinh hoạt và học tập của các cháu, anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, cháu Tr, cháu T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh làm ruộng, nương và chăn nuôi tại địa phương, thu nhập một tháng khoảng 5.000.000 đồng đủ điều kiện nuôi con. Về chỗ ở, hiện nay anh có nhà riêng tại thôn L, xã H, huyện B, tỉnh Lào Cai; hơn nữa nay cháu Th cũng sắp đến tuổi trưởng thành, cháu đã đi làm thêm để phụ giúp gia đình, còn hai cháu Tr, T đang đi học và cũng được nhà nước hỗ trợ tiền ăn nên anh đảm bảo được sinh hoạt và học tập của các cháu.

3. Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên ngày 28/4/2022, đối với các cháu: Giàng Seo Th, Giàng Seo Tr, Giàng Seo T đều trình bày: Nếu bố mẹ

cháu không chung sống với nhau mà ly hôn, thì nguyện vọng của các cháu được ở với bố Giàng Seo D.

#### 4. Ý kiến của Viện kiểm sát:

##### 4.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nguyên tắc xét xử; thành phần Hội đồng xét xử; sự có mặt của các thành viên hội đồng, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn được qui định tại điều 51 của bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

##### 4.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng

- Về hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014, không công nhận mối quan hệ giữa chị Vàng Thị D và anh Giàng Seo D là vợ chồng.

- Về con chung: Áp dụng điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Giàng Seo Th, sinh ngày 20/10/2005; cháu Giàng Seo Tr, sinh ngày 01/01/2007; cháu Giàng Seo Th, sinh ngày 07/5/2009 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Không đề nghị giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuân theo qui định Pháp luật.

##### 4.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nộp đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải, chuẩn bị xét xử. Bị đơn có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị D và anh Giàng Seo D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, cho đến nay anh chị vẫn không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về Hôn nhân và gia đình. Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải về mối quan hệ hôn nhân của chị D và anh D, nên việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn là không có căn cứ và không được Tòa án xem xét giải quyết. Trong trường hợp này Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và

gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Vàng Thị D và anh Giàng Seo D là vợ chồng. Quan hệ hôn nhân giữa chị Vàng Thị D và anh Giàng Seo D chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị Vàng Thị D và anh Giàng Seo D có ba con chung: Cháu Giàng Seo Th, sinh ngày 20/10/2005; cháu Giàng Seo Tr, sinh ngày 01/01/2007; cháu Giàng Seo T, sinh ngày 07/5/2009, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay các cháu đang ở cùng anh D, các cháu đều có ý kiến xin được ở với anh D. Tại phiên hòa giải về việc nuôi con khi ly hôn, chị D và anh D đã thỏa thuận: Anh D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Th, cháu Tr, cháu T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D và chị D đều thừa nhận hiện nay anh, chị đều đều làm ruộng, trồng trọt và chăn nuôi tại địa phương, thu nhập một tháng của chị D khoảng 2.000.000 đồng/ 01 tháng, thu nhập của anh D khoảng 5.000.000 đồng/ 01 tháng, anh D có nhà ở ổn định, có thu nhập cao hơn chị D nên anh D có điều kiện nuôi dưỡng con tốt hơn chị D.

Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì anh D có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung tốt hơn chị D vì anh có nhà riêng và thu nhập ổn định, cao hơn chị D; tại phiên tòa anh D vắng mặt nhưng anh đã gửi ý kiến giữ nguyên đề nghị được nuôi dưỡng cả ba cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, tại phiên tòa chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh D được nuôi dưỡng cả ba cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, nên việc anh D yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Th, cháu Tr, cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1,2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Vàng Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, khoản 1,2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1

Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Vàng Thị D và anh Giàng Seo D là vợ chồng.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Giàng Seo Th, sinh ngày 20/10/2005; cháu Giàng Seo Tr, sinh ngày 01/01/2007; cháu Giàng Seo T, sinh ngày 07/5/2009 cho anh Giàng Seo D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Vàng Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Vàng Thị D phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003965 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- Lưu: HS, THS (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký và đóng dấu)**

**Nguyễn Thị Thu Hương**